

Văn Học Hán Nôm Công Giáo Việt Nam – Sự Thật và Ảo Tưởng –

Tôi là một người Công giáo, viết về công trình nghiên cứu của một linh mục, tiến sĩ Nguyễn Hưng. Tuy ông mất rồi, nhưng tôi vẫn buộc phải lên tiếng, vì ảnh hưởng của ông vẫn còn, nó tạo ra ảo tưởng và sự tự mãn trong lòng giới Công giáo Việt Nam. Ảo tưởng về một gia tài đồ sộ, mà thật ra vẫn còn nghèo nàn. Và tự mãn đồng nghĩa với trì trệ, nó sẽ giết chết mọi nỗ lực.

Vũ Lưu Xuân

Viết về thư mục sách Công giáo Việt Nam, chúng ta đã có **Sơ thảo thư mục Công giáo Việt Nam** của Lm. Trần Anh Dũng, Paris 1992. Trước đó là **Sổ sách Công giáo** của nhà in Kẻ Sỡ, 1920 và tài liệu **Sách Hán Nôm** của thư viện MEP... Nhìn chung các cuốn này và một số thư mục khác, chỉ làm công việc liệt kê đầu sách, không giới thiệu nội dung, và nhất là chưa phát biểu một cái nhìn quán xuyến về quá trình phát triển của văn học Công giáo Việt Nam, cả chữ Hán, chữ Nôm lẫn Quốc ngữ*.

Trong vài năm gần đây, những người quan tâm đến cổ học nói chung và văn học Công giáo Việt nam nói riêng, đã may mắn được tham khảo một kho tài liệu vô giá trên một trăm cuốn (tính đến năm 2006, cuốn cuối số 116: Thánh Mẫu phương danh, tập 2, tháng 5.2006), của Lm tiến sĩ Nguyễn Hưng và nhóm biên soạn tài liệu lưu hành nội bộ. Tài liệu gồm các công trình sưu tầm, biên khảo, chú giải, phiên âm, dịch nghĩa và hiệu đính các tác phẩm Hán-Nôm Công giáo từ TK XVII trở lại.

Đối với những ai chưa có cơ hội làm quen với các tác phẩm Công giáo cổ, lại không thông thạo Hán-Nôm, nỗ lực của các nhà biên soạn đã đem lại sự kinh ngạc đến thích thú, xen lẫn khâm phục và biết ơn.

Trong tinh thần trân trọng những đóng góp lớn lao đó, chúng tôi mạo muội đưa ra một vài ý kiến nhỏ, có thể còn thiếu cận, chủ quan và lệch lạc, nhưng hoàn toàn với thiện ý mong công trình của quý vị hoàn thiện hơn trong những lần tái bản sau. Viết bài này, chúng tôi không đặt nặng việc đề cao những thành tựu của Lm Nguyễn Hưng, vì đơn giản nghĩ rằng: “khen phò mã tốt áo” là thừa, và lại góp ý để bổ cứu một số thiếu sót có lẽ còn hữu ích hơn.

Phân tích của chúng tôi tập trung vào hai công trình:

· Các **đầu sách Hán-Nôm**. **

· Tác phẩm: **Sơ thảo thư mục Hán Nôm Công giáo Việt Nam**.
(STTM.), Tác giả: Lm Nguyễn Hưng.

I. CÁC ĐẦU SÁCH HÁN NÔM

Tài liệu Lưu hành nội bộ (TLLHNB)

Công việc giới thiệu một loạt trên 100 tác phẩm tất yếu không tránh khỏi đôi ba khiếm khuyết. Xin liệt kê:

A – VIỆC BIÊN KHẢO CHƯA TUÂN THỦ NHỮNG NGUYÊN TẮC CĂN BẢN, VÀ CHƯA ĐÁP ỨNG ĐẦY ĐỦ NHU CẦU NGHIÊN CỨU :

1- Nhiều bản chụp chữ Nôm không ghi rõ xuất xứ (nhà in nào? kho lưu trữ nào?) – td. *Truyện Thánh Ven tử đạo* (TLLHNB số 49.2000).

2- Phần quốc ngữ trong một số sách không cho biết lấy từ ấn bản nào, hoặc do chính Nhóm phiên âm. Nếu hiệu đính thì đối chiếu với bản gốc nào – td. *Bộ sách dạy tập đi đàng nhân đức lọn lành*.

B – MỘT SỐ SƠ XUẤT:

1- Sơ xuất in ấn:

a. Đôi chỗ phiên âm chữ Hán chưa chuẩn xác – td.

Chữ *Diệt* 亦 rất nhiều lần âm là *diệt* – td. “nhi *diệt* toàn vô” (*Hội đồng tư giáo*, trg 30) – “*diệt* tức Thượng đế” (sđd, trg 34)...

Chữ *Chi* 之 âm là *chí* – “Chí trí, chí thiện, *chí* (之 chữ này phải đọc là *chí*) chân Chúa đã” (sđd, trg 30).

Chữ *Chiêu* 昭 đọc là *Thiêu* – “Đời nhà Chu *Thiêu* vương” (sđd, trg 29)

Chữ *Viễn* 遠 đọc là *viện* – “kính quý thần nhi *viện* chi” (sđd, trg 38)

b. Bản Quốc ngữ thiếu một đoạn so với bản Nôm làm sai lệch nghĩa câu:

td. *Truyện ông Thánh An Tôn hay làm phép lạ*

Bản phiên âm quốc ngữ: “*Có một người rất sang trọng, tên là Mát-ti-nho ... (đoạn thiếu)... đã đem binh sang thành Giê-ru-gia-lem đánh quân ngoại đạo mà lấy lại được đất Thánh, cùng làm vua cai trị nước ấy*” (sđd, trg 1)

Bản Nôm có thêm đoạn ... “*là con nhà gia thế làm quan nhiều đời, ông có Mát-*

ti-nho”... , toàn văn có ý nghĩa khác hẳn.

2- Sơ xuất trong việc phiên âm :

td. **Hội đồng tứ giáo** (HĐTĐ), trg 231: chữ Tân Hợi 辛亥 âm là Đinh Hợi

3- Sơ xuất trong việc dịch nghĩa:

HĐTĐ: câu *Trùng quang hiệp hạp chi trọng thu nguyệt – Đa Ma Tô Trần tự* 重光協洽之仲秋月 - 多嗎蘇陳序 được giải thích là: “*Tác giả tự xưng là Đa Ma Tô Trần (Đa ma xen nô?) và sáng tác bản Hán này vào thời Trùng Quang hiệp hạp (Đinh Hợi 1887-1888) giữa mùa Xuân*” (HĐTĐ -1997, trg 6) ***. Riêng đoạn ngắn này có 5 điểm sai:

- *Trùng quang hiệp hạp* (cũng đọc là *hiệp hiệp, hiệp hạp*) không phải là một thời, một niên hiệu, chẳng hạn thời Xuân Thu, thời Lý, đời Gia Long... như thông lệ các văn bản cổ thường dùng để đánh dấu niên đại sáng tác. Sở dĩ phải loại trừ ý nghĩa niên đại (*thời*), vì trong lịch sử Việt Nam, chỉ có một vị vua duy nhất lấy niên hiệu *Trùng Quang*, nhưng đó lại là vị vua đời Trần (1225-1413- kể cả Hậu Trần), Trần Trùng Quang (chữ Trùng 重, chỉ Trần Trùng Quang, trong Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim viết có bộ nhân), tức Trần Quý Khoách (1403-1413). Như vậy cụm từ trên chỉ là một trong những công thức ước lệ, thường được dùng để mở đầu tác phẩm cổ và có nghĩa là *lớp lớp ánh sáng hòa hạp*, ám chỉ một giai đoạn thịnh vượng, rực rỡ. Áp dụng vào bối cảnh Tôn giáo, có tác giả đã dịch là: *Tháng tám đầy ơn đức (trọng thu: tháng 8)*

- Riêng năm chữ *Đa Ma Tô Trần tự* hoàn toàn không có nghĩa *tác giả tự xưng là Đa ma tô Trần*. Lưu ý cách viết chữ 序, có nghĩa là *bài tựa*, nếu muốn hiểu *tự xưng là*, phải dùng chữ 自 (tự danh), hoặc 字 (tên chữ). Ngay đầu bài, chúng ta cũng đã thấy hàng chữ *Hội đồng tứ giáo tự* 會同四教序 (bài tựa của sách HĐTĐ)

Đa Ma Tô Trần tự có thể hiểu hai cách: cách thứ nhất *Trần* không chỉ tên họ, mà là động từ, đi đôi với chữ *tự*, *trần tự*, và cả câu phải dịch là *Đa Ma Tô viết lời tựa* (陳序 *trần tự*, trần: trình bày, theo nghĩa trần tình, phân trần, ở đây hiểu là viết) - Cách thứ hai: *Trần* là tên, họ, (Để tránh ngộ nhận, chữ quốc ngữ chỉ cần một thủ pháp đơn giản: viết hoa), *tự* chuyển thành động từ: đề tựa. Và phải hiểu là: *Đa Ma Tô Trần viết lời tựa*. Chúng tôi nghiêng về cách hiểu thứ nhất. Trong cả hai cách dịch, chúng ta đều thấy *Đa ma tô* không *sáng tác* mà chỉ viết tựa. Thường thì người đề tựa và tác giả là hai nhân vật khác nhau.

- Không phải *giữa mùa xuân* mà là *giữa mùa thu*, tức tháng 8 (仲秋月 trọng thu nguyệt).

Ngoài ra, 1887-1888 là *Tân Hợi* chứ không phải *Đinh Hợi* (xem phần B,2)

Cách diễn nghĩa sai này được in ở phần đầu cuốn HĐTĐ, sau được lập lại trong

Sơ thảo thư mục Hán Nôm Công giáo Việt Nam (trg 182)

4- Sơ xuất trong việc kê cứu dữ liệu:

Soạn giả **** viết: “*Cuốn sách Nôm xuất bản cuối cùng năm 1929 là cuốn Thánh giáo kinh nguyện*” (STTM, trg 12). Ít trang sau ông lại viết: “*Cho đến năm 1927, năm xuất bản cuốn sách Nôm cuối cùng của Công giáo Việt Nam: Thánh giáo kinh nguyện*”.(STTM, trg 43). Nếu thận trọng, chắc chắn sai sót này có thể tránh được.

II. SƠ THẢO THƯ MỤC HÁN NÔM CÔNG GIÁO VIỆT NAM

Những nhận định dưới đây chủ yếu dựa vào bài *Tham luận* được phát biểu công khai trong buổi tọa đàm về *văn hóa Công giáo Việt Nam*, đọc tại Tòa Giám mục Huế cuối tháng 10.2000, sau đó được đăng lại trong phần đầu sách **Sơ thảo thư mục Hán Nôm Công giáo Việt Nam** (STTM.), một cuốn sách được các chức sắc Công giáo đánh giá rất cao.

Với hai chữ **Sơ thảo**, chúng ta nghĩ ngay đến công việc của người mở đường, để đi vào “*khu rừng chữ Nôm Công giáo vừa âm u, vừa chằng chịt, xem như chưa hề được khai phá*” (STTM, trg 38).

Việc mở đường luôn phải đối mặt với muôn vàn khó khăn, có vinh quang và cũng có vấp vấp, như vậy, ắt hẳn các nhà biên soạn, và các “cổ động viên” sẽ sẵn lòng đón nhận những nhận xét – có thể còn lệch lạc, chủ quan – cho dù nó bao hàm một số ý kiến mâu thuẫn với quan điểm của mình.

A – VIỆC XẾP LOẠI TÁC PHẨM

Toàn bộ sách Hán Nôm cuốn **Sơ thảo** giới thiệu trong bài *Tham luận* được Lm Nguyễn Hưng chia làm 11 loại. Ở đây chúng tôi giới hạn việc phân tích vào 2 đề mục: **Truyện các Thánh – Tự điển Hán Nôm**. Đây là 2 trong “*ba loại tâm đắc nhất*” (STTM, trg 22) của soạn giả. Đã tâm đắc tất phải dồn mọi công sức để triển khai một cách đúng đắn và trung thực.

1. Truyện các Thánh.

Phần này Lm Nguyễn Hưng liệt kê 104 đầu sách (từ trang 48-69), gồm:

- 3 bộ với 36 cuốn, mỗi cuốn tương ứng với một tháng trong lịch phụng vụ:

Các Thánh truyện

Sách Thánh

Sách Thánh truyện

- Bộ **Quan quang Nam Việt** – 2 cuốn
- 7 cuốn lẻ.

Cộng chung tất cả là 45 đầu sách. Như vậy, 59 trong số 104 đầu sách còn lại soạn giả lấy ở đâu? Rõ ràng Lm Nguyễn Hưng đã trích rải rác các tiểu mục (nôm na là các tiểu truyện) trong 4 bộ kể trên làm đầu sách, ông làm như vậy, có lẽ để cho thêm phần sầm uất, và để giới Công giáo *thêm phần vinh quang*. Dẫn chứng trang 62:

“070. Ông Thánh Phan chi cô Tê- trích Sách Thánh tháng 11 của Đức cha Dominique MARTI GIA- o.p., Phú Nhai, 1848, trang 28-41, một bản”, (070 là số thứ tự của đầu sách liệt kê) và

Quan quang Nam Việt, quyển 1 có 22 truyện các Thánh tử đạo; **quyển 2**, 6 truyện. Soạn giả lấy trọn 28 tiểu mục để liệt kê thành 28 đầu sách.

Sách Thánh trích có vẻ rất ngẫu nhiên 8 truyện (cuốn tháng 11), để liệt kê thành 8 đầu sách.

Sách truyện các Thánh trích có vẻ cũng rất ngẫu nhiên 22 truyện (cuốn tháng 5 lấy 7 truyện; tháng 6, 1 truyện; tháng 7, 3 truyện; tháng 8, 3 truyện; tháng 9, 3 truyện; tháng 12, 5 truyện), ông có thêm 22 đầu sách nữa.

Sách dẫn đàng nhân đức trích thêm 1 truyện làm đầu sách. 59 đầu sách soạn giả liệt kê thêm, có nguồn gốc như vậy.

Nhìn chung, có nên và có quyền liệt kê các tiểu mục làm đầu sách không? Dựa vào tiêu chuẩn nào để chọn 59 trong số trên 400 vị Thánh có lễ kính hàng năm (td. Soạn giả chọn 7/38 vị kính vào tháng 5 trong **Sách truyện các Thánh**)? Các loại khác cũng được làm cho thêm rậm đám bằng cách này.

Riêng bộ **Sách Thánh** còn một số điểm cần bàn:

Trong cuốn 1, tức tháng giêng, soạn giả viết:

“Bản Nôm đầu tiên đã có từ 1848, đời Đức cha Dominique Marti Gia (1848-1852)... Đến năm 1909 bản Nôm được sửa chữa và được khắc bản gỗ. Chúng tôi chỉ có bản in này, không ghi ai là tác giả nhưng chắc phải là một thừa sai Tây Ban Nha, một linh mục rành chữ Nôm và thông tiếng Việt” (trg 6).

Đoạn văn xác nhận 3 điều:

o Thời điểm sáng tác: đời Đức cha Dominique Marti Gia.

o Tác giả: không ghi ai là tác giả (tức khuyết danh), nhưng chắc phải là...

o Chúng tôi chỉ có bản in này (tức một bản 1909, Lm Nguyễn Hưng xác nhận ông không có bản gốc 1848).

Vậy mà trong **Sơ thảo**, soạn giả lại khẳng định:

“Sách Thánh hay Truyện các Thánh, tháng Giêng, Đức cha Dominique Marti Gia. O.P., Phú Nhai, 1848, 380 trang, một bản”. (STTM, trg 50). Ở đây, Đ.c. Gia đã được đặt trong mục tác giả một cách mập mờ. Đi xa hơn soạn giả còn ghi: “070. Ông thánh Phan-chi-cô Tê - trích Sách Thánh tháng 11, của Đức cha Dominique MARTI GIA, O.P., Phú Nhai, 1848, trang 28-41, một bản”

Chữ của được nhắc lại đủ 8 lần trong 8 tiểu truyện lấy làm đầu sách.

Như vậy, nếu chỉ xem cuốn **Sơ thảo**, chắc chắn người đọc sẽ định ninh bộ sách này do chính tay Đc. Gia sáng tác. Ngoài ra:

- Bản 1848 là thủ bản không phải mộc bản.

- 1848 (thời điểm trước hòa ước Nhâm Tuất, 6.5.1862) chắc chắn chưa có Phú Nhuận đường. (xem **Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam** – Im. Trương Bá Cần)

- Đã không có bản 1848, làm sao soạn giả biết rõ số trang như thế. Có lẽ phải có một trí tưởng tượng phong phú lắm, ông mới có thể điền đầy đủ chi tiết như vậy.

Tóm lại, trong mục **Truyện các Thánh**, soạn giả đã dẫn người đọc đi từ ngộ nhận này tới ngộ nhận khác.

2. TỰ ĐIỂN HÁN NÔM.

Bài **Tham luận** (STTM bắt đầu từ trang 111) liệt kê 15 bộ Tự Điển (không phải Từ điển), qua phần thư mục giới thiệu chi tiết từng tác phẩm, soạn giả bỏ sót 1 cuốn, không rõ vì sao.

Tuy chỉ viết tắt **Tự điển Hán Nôm**, nhưng chúng ta phải hiểu là **Tự điển Hán Nôm Công giáo**. Rất tiếc vì thiếu tài liệu, chúng tôi không thể đối chiếu đầy đủ 15 bộ sách trên. Dựa vào 6 chữ **Tự điển Hán Nôm Công giáo**, chúng tôi xin đặt thành 2 vấn đề:

a. TỰ ĐIỂN HÁN NÔM – VẤN ĐỀ XẾP LOẠI.

Thế nào là TỰ ĐIỂN HÁN NÔM ?

Hiểu một cách đơn giản nhất, đó là bộ sách có khả năng giúp tra cứu các chữ Hán, chữ Nôm *chưa biết âm*, hoặc *chưa hiểu nghĩa*. Một Tự điển chỉ có thêm *chú thích* một số chữ Hán Nôm, vẫn chưa được gọi là Tự điển Hán Nôm, vì nó chưa đáp ứng đầy đủ hai yêu cầu trên.

· Trong số 15 bộ soạn giả liệt kê, chúng tôi hiện có trước mặt 2 bộ:

- **Petit dictionnaire Francais-Annamite** của J.B.P. Trương Vĩnh Ký- ấn bản 1924, khổ 13x18, 712 trang. Rất tiếc chúng tôi không có đúng ấn bản 1894 để đối chiếu cho thật chính xác.

- **Tự điển La-Việt-Pháp** của một nhóm giáo sư, đúng ấn bản 1960, tủ sách Ra Khơi, Sài Gòn.

Trong toàn bộ 2 cuốn này, được soạn giả xếp vào thư mục Tự điển Hán Nôm, chúng tôi tuyệt nhiên không tìm thấy bất cứ một chữ Hán, chữ Nôm nào.

· Trong số 15 bộ soạn giả liệt kê, chúng tôi hiện có trước mặt 2 cuốn:

- **Vocabulaire Annamite-Francais** của J.F.M. Génibrel, ấn bản 1893, 624

trang, Impr. De la Mission à Gia Định, chẳng rõ có phải cuốn **Dictionnaire Annamite-Francais** soạn giả đã nêu không. Trang đầu cuốn sách có hàng chữ Hán *Nam ngữ thích Tây tổng ước* 南語釋西總約. Bên trong từ mẫu tự A tới chữ *bói*, giữa mẫu tự B (trg 20) chưa thêm chữ Nôm (chữ nhỏ, nét sắc, không đều, kiểu viết tay), có lẽ do người dùng chưa thêm vào. Từ trang 20 tới 624 không thấy có chữ Nôm nào khác.

-Cuốn thứ hai có các hàng chữ: **Đại Nam quốc âm tự vị**

Tham dụng chữ Nho có giải nghĩa, có dẫn chứng, mượn 24 chữ cái phương Tây làm chữ bộ.

Huỳnh Tịnh Paulus Của

Sàigòn, imprimerie Rey, Curisol & Cie, 1895.

Trước mỗi mục từ chính, tác giả chưa thêm một chữ Nôm, hoặc Hán, ngoài ra các từ ghép, các thành ngữ không thấy có chữ Nôm, chữ Hán đi kèm. (Riêng các từ ghép toàn Hán, tác giả có chưa đầy đủ)

Td. 土旦 *đất*: 62 từ ghép và thành ngữ đi kèm như *đất đai*, *đất nước*... không chú thích chữ Nôm. Xin lưu ý: cuốn **Đại Nam quốc âm tự vị** khi chưa các mục từ chính bằng chữ Hán, chữ Nôm, tác giả nhằm mục đích chú thích hơn là để tra cứu *âm* và *nghĩa*. Chữ *Tham dụng* tác giả dùng hàm nghĩa này. *Tham* 參: xen vào, chen dự vào (Đào Duy Anh), phải hiểu là phần phụ. Một cuốn sách có phụ thêm chú thích chữ Pháp, chữ Anh, không thể gọi là tác phẩm Việt-Pháp, Việt-Anh

· Trong số 15 bộ soạn giả liệt kê, chúng tôi hiện có trước mặt bộ **Tâm nguyên tự điển Việt Nam** của Lê Ngọc Trụ, nxb TPHCM, 1993. Nội dung bộ này chia làm 3 phần:

· Phần dẫn (từ trg 1-66): tác giả dùng chữ Hán để giải thích nguồn gốc chính tả của một số từ tiếng Việt (tâm nguyên).

· Phần 2 gồm: Tiếng Hán Việt chuyển qua tiếng Việt (trg 84-242), có chưa chữ Hán – Tiếng Việt chuyển gốc Hán Việt (trg 243-438) có chưa chữ Nôm.

· Phần 3: tiếng mượn ở ngoại ngữ (phần dài nhất, từ trg 441-856), có chưa nhiều thứ chữ và âm nước ngoài khác nhau: Anh, Khơ-me, Pali, Quảng Đông, Đức, La-tinh, Pháp, Sanscrit, Triều Châu, Hán Việt, Nhật, Tây-Ban-Nha.

Nếu vì có chưa chữ Hán, Nôm mà định danh là tự điển Hán Nôm, thì tất yếu Lm Nguyễn Hưng phải gọi tác phẩm này là: *Tự điển Hán, Nôm, Anh, Khơ-me, Pali, Quảng Đông, Đức, La-tinh, Pháp, Sanscrit, Triều Châu, Hán Việt, Nhật, Tây-Ban-Nha* mới thực sự chính xác.

Quan trọng hơn nữa, nếu cần tra một mặt chữ Hán, chữ Nôm chưa biết đọc âm, chưa hiểu rõ nghĩa, chẳng hạn chữ 嚴, liệu chúng ta có thể dùng một trong năm cuốn Tự điển đó hay không, hay phải cậy tới Đào Duy Anh, Thiều Chửu, Vũ Văn Kính...

Xin lưu ý, đối với một công trình khoa học, không thể vì muốn cho kho tàng tác phẩm Hán Nôm Công giáo thêm phần sầm uất, mà đưa vào những tác phẩm không đúng tiêu chuẩn.

b. TỰ ĐIỂN CÔNG GIÁO – VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VĂN HỌC

Thế nào là một tác phẩm Tôn giáo?

Một công trình nếu muốn được xếp vào khối tác phẩm Tôn giáo phải hội được ít nhất một trong các tiêu chuẩn sau:

Yếu tố chủ quan:

- *Về mặt nội dung:* tác phẩm phải được gợi hứng từ một chủ đề Tôn giáo- td. Kịch của Thánh nữ Têrêxa, thơ Hàn Mặc Tử, thơ Xuân Ly Băng, thơ Đình Bảng...
- *Về ý hướng :* tác phẩm được sáng tác nhằm: Đề cao lý tưởng đức Tin của mình: “*Tôi có một ý hướng làm cho danh Cha cả sáng*” (lời cổ Chính Phi-lip-phê Trung) – “*Làm phương tiện phổ biến lời Chúa*” (lời A.d. Rhôdes)

Yếu tố khách quan:

- Tác phẩm được một chức sắc Tôn giáo (Giám mục) *truyền tử* (cho in, imprimatur)
- Tác phẩm được phát hành bởi một cơ sở in ấn Tôn giáo (Ninh Phú, Phú Nhai, Kê Sở, Trung Hòa, Tân Định, Nazareth...)

Thế nào là một cuốn Từ điển Tôn giáo?

Đơn giản đó là cuốn từ điển giải thích những thuật ngữ riêng của từng Tôn giáo (bên Phật gọi chung là *danh số*). Hiểu cách này, chúng ta có thể kể tới những bộ Từ điển và Tự điển Tôn giáo đúng nghĩa:

Danh từ Thần học và Triết học của Ban giáo sư trường Thần học Bùi Chu (tủ sách Liên chủng viện – 1952)

Từ điển đức Tin Kitô giáo

Từ điển Đức Mẹ, chủ biên An-phông-xô Bốt-xa S.M.M. – Mát-thi-a Ngọc Đình c.m.c. dịch

Bên Phật có:

Từ điển Phật học của Đoàn Trung Còn

Từ điển Phật học Hán-Việt – Phân viện Nghiên cứu Phật học xuất bản. quyển I, 1992; quyển II, 1994, 2127 trang ...

Hoặc bằng tiếng nước ngoài:

Dictionnaire de culture religieuse et catéchistique của kinh sĩ L.E. Marcel.

Dictionnaire des religions của Marguerite Marie Thiollier, Ấn bản Larousse 1966 ...

Tự thân, Tự điển nói chung vốn là một công trình khoa học, vượt lên mọi quan điểm, lập trường Tôn giáo và chính trị, nó phi chính trị, phi Tôn giáo, trừ các loại Tự điển chuyên dùng nêu trên.

Trước khi trở lại 15 bộ Tự điển trong bài *Tham luận*, chúng ta cần khẳng định một nguyên tắc: Việc phân loại các tác phẩm luôn được hướng dẫn bởi *quan điểm lý luận của từng tác giả*. Nói đến quan điểm, chúng ta chấp nhận sự đa dạng có tính cách *chủ quan*, tức là có nhiều cách phân loại. Tuy nhiên đa dạng hoàn toàn không đồng nghĩa với *tùy tiện*, vì một công trình khoa học buộc phải tôn trọng tính hợp lý và trung thực.

Trong số 15 bộ soạn giả liệt kê, chúng tôi hiện có trước mặt 2 bộ:

- **Tự điển chữ Nôm**, đúng ấn bản 1971 do Bộ Giáo dục, Trung tâm Học liệu miền Nam phát hành. Trên mặt bìa cứng và trong trang đầu – từ trái qua phải – và trên gáy sách, từ trên xuống dưới, lần lượt in kim nhũ *tên 2 đồng tác giả*: NGUYỄN QUANG XĨ và VŨ VĂN KÍNH.

Để có thể đưa vào thư mục Hán Nôm Công giáo, soạn giả đã tùy tiện loại hẳn tên đồng tác giả NGUYỄN QUANG XĨ (chúng tôi đề cập tới ấn bản in lần đầu, 1971, đúng như soạn giả liệt kê). Theo chúng tôi biết, ông NGUYỄN QUANG XĨ, tốt nghiệp cử nhân giáo khoa Việt Hán Đại học Văn khoa Sài Gòn, là một nhà nghiên cứu gốc Phật giáo. Như thế chẳng lẽ bên Phật cũng bịt tên VŨ VĂN KÍNH để xếp bộ này vào thư mục Phật giáo hay sao. Chẳng lẽ vì ông XĨ ở nước ngoài, nên không có quyền nhìn nhận đứa con tinh thần còn lưu lạc trên quê hương? Chẳng lẽ tại Việt Nam, cuốn **Tự điển chữ Nôm** thuộc thư mục Công giáo, vì có ông Kính, còn ở nước ngoài nó lại thuộc thư mục Phật giáo, vì có ông Xĩ?

- **Tâm nguyên Tự điển Việt Nam** của giáo sư Lê Ngọc Trụ.

Lý lẽ để xếp bộ này vào thư mục Công giáo ắt hẳn là câu: “*Cụ Trụ đã vào đạo Công giáo trước khi tắt thở*” (STTM trg 36).

Xin nói rõ hơn về công trình này. Đây là công trình dài hơi, nghiêm túc của một nhà nghiên cứu tuy không có bằng cấp, nhưng được học giới miền Nam trước kia rất kính trọng cả về mặt thành tựu, lẫn cung cách làm việc. Bộ **Tâm nguyên Tự điển Việt Nam** hoàn tất năm 1974. Cụ mất năm 1979 (5 năm sau). Bộ sách xuất bản năm 1993 (xin lưu ý ba thời điểm này).

Vị “*Tổ sư chính tả*” (lời Vương Hồng Sển) đã bỏ công biên soạn cuốn sách này nhiều năm trước khi vào đạo. Phải chăng vì xuất bản năm 1993 – sau khi *vào đạo* – nên nó cũng đã được rửa tội? Như vậy, theo tiêu chuẩn xếp loại này (năm xuất bản), nếu **Tâm nguyên Tự điển Việt Nam** được xuất bản ngay trong khoảng 1975-1978 – trước khi *vào đạo* – chúng ta đành phải trả về cho bên Phật giáo. Có lẽ vì căn cứ vào năm xuất bản để xếp loại (*chưa* hay *đã* vào đạo), nên soạn giả đã

bỏ qua một công trình đề đòi, được lấy làm kinh điển mẫu mực, có chú thích rất nhiều chữ Hán, chữ Nôm, cũng của cụ Trụ, xuất bản năm 1959 (chưa vào đạo), được giải thưởng Ngô Đình Diệm năm 1961 (chưa vào đạo), đó là cuốn **Việt ngữ chánh tả tự vị**.

Tới đây cần đề cập tới một vấn đề thuộc *cơ sở lý luận văn học*: xếp một tác phẩm vào thể loại văn học Tôn giáo, chúng ta nên căn cứ vào nội dung tư thân của tác phẩm, hay căn cứ vào gốc đạo của tác giả và cả năm xuất bản (đã vào đạo hay chưa). Nếu đơn thuần căn cứ vào gốc đạo, công việc của nhà nghiên cứu sẽ trở nên rất đơn giản, nhưng đồng thời cũng rất vất vả. Đơn giản vì chỉ cần mở sổ rửa tội, hoặc sổ gia đình Công giáo là xong việc. Vất vả vì số lượng tác phẩm sẽ quá nhiều. Hình như phương pháp *lấy gốc đạo làm tiêu chuẩn xếp loại, trên thế giới chưa ai áp dụng*, ngoại trừ Lm Nguyễn Hưng.

B. NHÃN QUAN LỊCH SỬ - VAI TRÒ CHỮ HÁN, CHỮ NÔM

Chúng ta phải nhìn nhận việc khổ công lục lợi mớ tài liệu đã đóng nhiều lớp bụi, để tìm ra những di sản quý báu của ông cha là một việc rất đáng trân trọng. Tuy nhiên có lẽ vì quá bức xúc trước cảnh khói lạnh, hương tàn trong ngôi đền cổ, soạn giả đã phần nào đẩy những nhận định của mình tới chỗ cực đoan. Ông viết: *“Cho đến nay số người còn đọc chữ Hán và chữ Nôm còn rất ít, và có lẽ chỉ một vài năm nữa, nếu các người trí thức chúng ta không chịu học lại hai thứ chữ này. (câu sai văn phạm) Và do đó, người Việt sẽ bi cắt hẳn với văn học truyền thống của dân tộc, trở thành những con người mất gốc, lai căng, hành động mất hướng, kém hiệu năng”* (STTM, trg 168). (người viết tự gạch dưới, cũng xin chú ý cách viết tiếng Việt của Lm Nguyễn Hưng)

Với nhận định trên, soạn giả vẽ ra một viễn cảnh rất đáng sợ: nếu không chịu học chữ Hán, chữ Nôm chúng ta sẽ:

- Về mặt tinh thần: *mất gốc, lai căng.*
- Về mặt hoạt động: *mất hướng, kém hiệu năng.*

Nếu đúng như vậy, vai trò chữ Hán, chữ Nôm mang tính quyết định đối với toàn bộ sinh hoạt của dân tộc, và tất yếu, tương lai đất nước sẽ vô cùng tối tăm, mù mịt, vì số người biết Hán, Nôm quá ít.

Ở đây, soạn giả chưa phân biệt rạch ròi tác động của **ngữ** và **tự** đối với mọi khía cạnh của đời sống. **Ngữ** là phương tiện trao đổi, tư duy, nó có khả năng bảo tồn tinh hoa của một dân tộc, là tiếng nói, chất dính kết những người cùng chung một huyết thống, một lịch sử. **Tự** là phương tiện ký âm, Việt ngữ được ký âm bằng hai loại **tự**: trước kia là **chữ Nôm**, sau này là **Quốc ngữ**. Cả hai loại **tự** đó đều có khả năng đồng đều trong việc chuyển tải cùng một nội dung tới bất kỳ người Việt nào.

Do đó, đọc *Truyện Kiều* bằng chữ Nôm hay Quốc ngữ, chúng ta sẽ có cùng một cảm xúc như nhau, nếu không bị tác động bởi tâm trạng chủ quan theo từng thời điểm. Và bộ phận *văn học truyền khẩu*, cho dù chẳng cần ký âm bằng chữ Nôm, vẫn bảo lưu được hồn Việt của tổ tiên ta. Rồi những người dân Nam Bộ khi xưa, chẳng cần học chữ Nôm, chỉ cần vào *quán ra chợ nghe kể Lục Vân Tiên*, vẫn nuôi dưỡng được trong hồn mình thứ tình cảm hào phóng, hồn nhiên, chân chất.

Soạn giả lại viết: “*ngay cả giới khoa bảng Công giáo cũng rất ít người đọc được chữ Nôm. Không đọc được chữ Nôm, không đọc được sách Nôm có nghĩa là chúng ta nói chung tự cắt đứt khỏi dòng văn học chung của quê hương và nói riêng, của nền giáo lý Đạo mình*”

Nếu hậu quả đúng như vậy thì thật nguy quá. Tuy nhiên vì không thể đọc **Văn Thánh cả Giuse** bằng chữ Nôm, chúng tôi đã tìm đọc **Văn Thánh cả Giuse** bằng quốc ngữ do quý vị giới thiệu, và lạ thật, chẳng hề cảm thấy bị *cắt đứt khỏi... nền giáo lý Đạo mình*”.

Trong **Truyện Thánh Tử đạo Ven** (trg 8) soạn giả viết “... *chữ Nôm, một thứ chữ có tính Việt Nam hơn cả, và dễ mang tính lịch sử khách quan hơn cả*”. Đọc câu này, thật sự chúng tôi không thể hiểu nổi. Chữ Nôm mượn của ông Tàu, quốc ngữ mượn của ông Tây, tại sao chữ Nôm lại *có tính Việt Nam hơn cả* và *mang tính lịch sử khách quan hơn cả*? Chính vì quá nặng lòng với chữ Hán, chữ Nôm, cho nên việc bãi bỏ kỳ thi Hương, thi Hội, việc buộc các giấy tờ hành chánh phải thảo bằng chữ quốc ngữ, soạn giả cho là “*bước giạt lùi thê thảm*” (**Truyện ông Thánh An Tôn hay làm phép lạ**, trg VII). Chúng tôi xin có ý kiến nông cạn như sau: vì Hán Nôm là thứ chữ rất khó học, cần tới mười năm đèn sách (thập niên đăng hỏa), nên mới có cảnh:

Chữ tác 作 đánh chữ tộ 忤

Chữ ngộ 遇 đánh chữ quá 過

Và Trần Tế Xương, người đã có quá trình 8 lần lều chõng cũng phải than trời:

Kế đối thành Cao nên sự thê

Kiên 韃 trông ra Tiệp 捷 hơi trời ơi

Và cụ Nguyễn Khuyến mới mĩa mai những thầy đồ hay chữ lỏng:

Đô đô bình trượng ngã 都都平丈我 đọc thành

Úc úc hồ văn tai 郁郁乎文哉

Và ngay cả soạn giả là người chuyên nghiên cứu Hán Nôm, đã có tới 116 đầu sách Hán Nôm trình làng, cũng còn lúng túng khi dịch câu *Trùng quang hiệp hạp chi trọng thu nguyệt – Đa Ma Tô Trần tự*. Việc học hỏi chuyên sâu Hán Nôm là tuyệt đối cần thiết đối với các nhà nghiên cứu, nhưng nếu ngày nay sử dụng chữ Nôm làm quốc tự - cho dù quốc ngữ còn một số hạn chế - mới chính là “*bước giạt lùi thê thảm*”.

C. NHÃN QUAN VĂN HỌC – VIỆC ĐÁNH GIÁ TÁC PHẨM

Đánh giá bộ **Sách Thánh** của Maiorica, soạn giả viết: “*Mỗi câu truyện được coi như một đoạn thiên tiểu thuyết, được viết cách đây 400 năm, nhiều truyện na ná như “Tê-lê-mắc phiêu lưu ký””.*

Về mặt lý luận văn học, tiểu thuyết và tiểu sử là hai thể loại hoàn toàn khác nhau trong cách thể hiện.

Tiểu thuyết đặt nặng vấn đề hư cấu.

Tiểu sử đặt nặng tính chân thực. Đặc biệt tiểu sử các Thánh phải xây dựng trên dữ liệu và những lời chứng có tuyên thệ của các nhân vật trong cuộc. Có lẽ vì muốn đề cao lối viết linh hoạt và hấp dẫn của tác phẩm, tác giả đã có so sánh trên, nhưng dù sao so sánh hanh Thánh với tiểu thuyết là hoàn toàn khập khểnh, bởi vậy các tiểu truyện đó chẳng thể nào *na ná như “Tê-lê-mắc phiêu lưu ký”* được.

Soạn giả lại viết: “*không thiếu những truyện tương tự như truyện Phật Bà Quan Âm Thị Kính*” (sđd, trg 25). Thực ra toàn bộ **Sách Thánh** 12 cuốn, chỉ duy nhất có truyện *bà Thánh Thê-ô-đô-ra* hay *Tiêu-đô-ra* (kính ngày 2.9) là phần nào tương tự như truyện Phật Bà Quan Âm Thị Kính mà thôi.

Gấp cuốn **Sơ thảo** lại, chúng tôi có nhiều cảm xúc và suy nghĩ hỗn độn, mâu thuẫn, vừa hàm ơn, vừa bực bội. Hàm ơn vì đã được thừa hưởng một công trình sưu tập cực kỳ phong phú và khó kiếm, bực bội vì sự nghiêm túc cần thiết chưa được đặt đúng mức. Chúng tôi rất mong soạn giả sẽ vượt qua giai đoạn sơ thảo, làm nền tảng, để đưa ra một công trình đầy đủ, nghiêm túc và khoa học hơn.

* Trong bài này, từ *quốc ngữ* dùng để chỉ tiếng Việt ký âm bằng mẫu tự La Tinh

** Những phân tích dưới đây giới hạn trong phạm vi 50 cuốn đầu

*** Những trích dẫn có gạch dưới do người viết thêm vào để nhấn mạnh.

**** Trong bài này, chúng tôi tạm dùng từ *soạn giả* chỉ Nhóm biên soạn TLLHNB, cụ thể là lm. Nguyễn Hưng, để dễ phân biệt với từ *tác giả* chỉ các vị như Marti Gia, Trương Vĩnh Ký, Hùng Tịnh Cửa, Vũ Văn Kính...

Bài tôi viết từ năm 2006, nhưng rất tiếc chưa trang nào chịu đăng.

V.L.X